

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THỊ XÃ K  
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 21/2020/DS-ST

Ngày: 21 - 8 - 2020

V/v “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ K, TỈNH LONG AN**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Ngô Thị Kim Diệu.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà Nguyễn Thị Hiền.

2. Ông Đào Văn Hùng.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Phạm Thị Thùy – Là thư ký Tòa án nhân dân thị xã K, tỉnh Long An.

Ngày 21 tháng 8 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã K, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 93/2020/TLDS-ST, ngày 09 tháng 6 năm 2020 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 35/2020/QĐXXST-DS ngày 13 tháng 7 năm 2020, giữa các đương sự:

*- Nguyên đơn:* Ngân hàng thương mại cổ phần N.

Địa chỉ trụ sở chính: Số 198, đường, Phường L, Quận H, Thành phố Hà Nội.

*Người đại diện theo pháp luật:* Ông Nghiêm Xuân T – Chủ tịch Hội đồng quản trị.

*Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn:* Ông Bùi Đức L, sinh năm 1980.

Địa chỉ: Phường C, thành phố T, tỉnh Bình Dương.

*- Bị đơn:* Ông Trần Văn T, sinh năm 1990.

Địa chỉ: Ấp G, xã B, thị xã K, tỉnh Long An.

Ông Lợi có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; ông T vắng mặt không có lý do.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo đơn khởi kiện của Ngân hàng thương mại cổ phần N (gọi tắt là Ngân hàng), các tài liệu chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ, thì nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Yêu cầu khởi kiện nguyên đơn, người đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng – Ông Lợi trình bày: Ngày 24 tháng 9 năm 2015, ông T có ký với Ngân hàng yêu cầu phát hành thẻ tín dụng quốc tế vay số tiền 12.000.000 đồng; lãi suất cho vay thay đổi theo thông báo của Ngân hàng ghi trong sao kê; phí phạt chậm thanh toán 3% trị giá thanh toán tối thiểu, tối thiểu là 50.000 đồng (trong đó trị giá thanh toán tối thiểu = 10% số dư sao kê kỳ trước + lũy kế trị giá thanh toán tối thiểu các kỳ trước); phí vượt hạn mức từ 01 đến 05 ngày 8%/năm (số tiền vượt hạn mức), từ 06 đến 15 ngày 10%/năm (số tiền vượt hạn mức), từ ngày thứ 16 trở đi 15%/năm (số tiền vượt hạn mức); biện pháp bảo đảm không có. Quá trình thực hiện hợp đồng, ông T đã sử dụng thẻ số tiền 46.062.818 đồng, trả được 38.348.792 đồng, còn nợ 11.765.565 đồng. Từ tháng 5 năm 2017 đến nay, ông T không thanh toán cho Ngân hàng. Mặc dù, Ngân hàng đã nhiều lần gửi văn bản và liên hệ làm việc đề nghị trả nợ nhưng ông T vẫn không thực hiện nghĩa vụ trả nợ. Nay Ngân hàng khởi kiện yêu cầu ông T phải thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng tạm tính đến ngày 20 tháng 8 năm 2020 với số nợ gốc, lãi tổng cộng 60.288.329 đồng, trong đó nợ gốc thẻ tín dụng 11.765.565 đồng; lãi thẻ tín dụng 7.165.122 đồng; phí chậm thanh toán 32.888.492 đồng; phí vượt hạn mức 8.369.150 đồng; phí thường niên 100.000 đồng và tiền lãi, phí phát sinh theo yêu cầu phát hành thẻ tín dụng quốc tế ngày 24 tháng 9 năm 2015 kể từ ngày 21 tháng 8 năm 2020 cho đến khi thanh toán xong các khoản nợ.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Ngân hàng có đơn đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải. Đồng thời, ông T không nộp tài liệu, chứng cứ gì và cũng không gửi văn bản nêu ý kiến gì về việc Ngân hàng khởi kiện yêu cầu ông T phải thực hiện nghĩa vụ trả nợ theo yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng. Do đó, Tòa án quyết định đưa vụ án ra xét xử theo quy định pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Quan hệ pháp luật tranh chấp là hợp đồng vay tài sản, bị đơn là ông T có địa chỉ tại xã B, thị xã K, tỉnh Long An nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã K theo quy định tại các Điều 26, 35, 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về sự vắng mặt của ông T tại phiên tòa: Ông T đã được Tòa án tổng đạt, niêm yết hợp lệ quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa, nhưng ông T vẫn vắng mặt không có lý do; ông Lợi có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông T, ông T là phù hợp theo các Điều 177, 179, 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Đối với yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng yêu cầu ông T phải thực hiện nghĩa vụ trả cho Ngân hàng tạm tính đến ngày 20 tháng 5 năm 2020 với số nợ gốc, lãi tổng cộng 60.288.329 đồng, trong đó nợ gốc thẻ tín dụng 11.765.565 đồng; lãi thẻ tín dụng 7.165.122 đồng; phí chậm thanh toán 32.888.492 đồng; phí vượt hạn mức 8.369.150 đồng; phí thường niên 100.000 đồng là có chứng cứ chứng minh thể hiện bằng yêu cầu phát hành thẻ tín dụng quốc tế ngày 24 tháng 9 năm 2015 là có căn cứ, phù hợp với các Điều 92, 288, 357, 463, 466, 468 của Bộ luật dân sự. Do đó, Hội đồng xét xử cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng, buộc ông T phải thực hiện nghĩa vụ trả cho Ngân hàng số nợ gốc, lãi tổng cộng 60.288.329 đồng và tiền lãi phát sinh theo yêu cầu phát hành thẻ tín dụng quốc tế ngày 24 tháng 9 năm 2015 kể từ ngày 21 tháng 8 năm 2020 cho đến ngày thanh toán hết nợ cho Ngân hàng.

[4] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng được chấp nhận toàn bộ nên theo quy định tại các Điều 3, 6, 24, 26, 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì ông T phải có nghĩa vụ chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch đối với số tiền 60.288.329 đồng nộp sung ngân sách nhà nước; Ngân hàng không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào các Điều 26, 35, 39, 92, 147, 177, 179, 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 288, 357, 463, 466, 468 của Bộ luật dân sự; các Điều 91, 95 của Luật các tổ chức tín dụng; các Điều 3, 6, 24, 26, 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

**1.** Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng thương mại cổ phần N, buộc ông Trần Văn T phải thực hiện nghĩa vụ trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần N tạm tính đến ngày 20 tháng 8 năm 2020 với số nợ gốc, lãi tổng cộng là 60.288.329 đồng (sáu mươi triệu hai trăm tám mươi tám nghìn ba trăm hai mươi chín đồng), trong đó nợ gốc thẻ tín dụng 11.765.565 đồng (mười một triệu bảy trăm sáu mươi lăm nghìn năm trăm sáu mươi lăm đồng); lãi thẻ tín dụng 7.165.122 đồng (bảy triệu một trăm sáu mươi lăm nghìn một trăm hai mươi hai đồng); phí chậm thanh toán 32.888.492 đồng (ba mươi hai triệu tám trăm tám mươi tám nghìn bốn trăm chín mươi hai đồng); phí vượt hạn mức 8.369.150 đồng (tám triệu ba trăm sáu mươi chín nghìn một trăm năm mươi đồng); phí thường niên 100.000 đồng (một trăm nghìn đồng).

Ông Trần Văn T phải tiếp tục chịu các khoản lãi suất, phí phát sinh kể từ ngày 21 tháng 8 năm 2020 cho đến ngày thanh toán hết nợ cho Ngân hàng thương mại cổ phần N theo yêu cầu phát hành thẻ tín dụng quốc tế ngày 24 tháng 9 năm 2015.

## **2. Về án phí:**

**2.1** Án phí của vụ án là 3.014.000 đồng (ba triệu không trăm mười bốn nghìn đồng). Buộc ông Trần Văn T phải có nghĩa vụ chịu 3.014.000 đồng (ba triệu không trăm mười bốn nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm nộp ngân sách nhà nước.

**2.2** Về tạm ứng án phí: Hoàn trả lại cho Ngân hàng thương mại cổ phần N 1.121.000 đồng (một triệu một trăm hai mươi một nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo biên lai số 0009263 ngày 28 tháng 5 năm 2020 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã K.

Án xử công khai sơ thẩm có mặt nguyên đơn, báo cho biết được quyền kháng cáo bản án trong hạn mười lăm ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Riêng đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn mười lăm ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

### **Nơi nhận:**

- Đương sự;
- VKSND thị xã K;
- Chi cục THADS thị xã K;
- TAND tỉnh Long An;
- Lưu án văn;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Ngô Thị Kim Diệu**

